

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CAO SU THỐNG NHẤT**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10.7./CBTT-TRC

Bà Rịa, ngày 26 tháng 03 năm 2026.

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT**

- Mã chứng khoán: **TNC**

- Địa chỉ: Số 256 đường 27/4, Phường Bà Rịa, TP Hồ Chí Minh

- Điện thoại liên hệ: 02543.823119

Fax: 02543.823120

- E-mail: thongnhat.trc@gmail.com

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán.

- Giải trình chênh lệch giữa BCTC năm 2025 do Công ty lập và báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

- Giải trình kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 đã kiểm toán thay đổi từ 10% với năm 2024

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 26/03/2026 tại đường dẫn <http://trc.com.vn/quanhecodong.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán.
- Giải trình chênh lệch giữa BCTC năm 2025 do Công ty lập và báo cáo tài chính đã được kiểm toán.
- Giải trình kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 đã kiểm toán thay đổi từ 10% với năm 2024



Đại diện tổ chức

Người ủy quyền công bố thông tin

Nguyễn Nhật Thành Lâm

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số doanh nghiệp: 3500100424



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1-2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	
Bảng cân đối kế toán	4-5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	8-24

57-0
NHÂN
TY T
TOÁN
HỒ CH
T.P H
35001
CÔNG
CỔ P
CAO
HỒNG
PHÓ

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025.

1. Công ty

Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất (dưới đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 3500100424 (số cũ là 4903000263) ngày 26 tháng 6 năm 2006 và thay đổi lần thứ tư ngày 4 tháng 7 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, tên giao dịch quốc tế là Thong Nhat Rubber Joint Stock Company (TRC) và vốn điều lệ của công ty cổ phần là 192,5 tỷ VND.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là TNC.

Văn phòng chính của Công ty được đặt tại 256 đường 27/4, phường Bà Rịa, thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu).

Hoạt động chính của Công ty là trồng và khai thác cao su, chuối; chế biến và kinh doanh các loại cao su và nông sản.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Giám đốc trong năm tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm :

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Hữu Mạnh Nhưông	Chủ tịch kiêm Người đại diện theo pháp luật
Ông Nguyễn Nhật Thành Lâm	Phó chủ tịch
Ông Đỗ Khắc Tùng	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Bình	Thành viên độc lập
Ông Phan Văn Phú	Thành viên độc lập
Ông Phạm Anh Sơn	Thành viên
Ông Lê Trung Đức	Thành viên

Ủy ban Kiểm toán

Ông Nguyễn Thanh Bình	Trưởng ban
Ông Phạm Anh Sơn	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Nhật Thành Lâm	Tổng Giám đốc - Người được ủy quyền
---------------------------	-------------------------------------

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán BDO được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

5. Công bố trách nhiệm của Ban giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ thích hợp để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

6. Công bố các báo cáo tài chính

Chúng tôi công bố Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chúng tôi giao cho Ông Nguyễn Nhật Thành Lâm, Tổng Giám đốc của Công ty trực tiếp ký phê duyệt trên toàn bộ báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 được đính kèm.



Ông NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
Phó Chủ tịch/Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2026

Số : HCM.TNRUB.250701

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty cổ phần Cao Su Thống Nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất (“Công ty”), được lập ngày 26 tháng 3 năm 2026 từ trang 4 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban giám đốc

Ban giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.


NGUYỄN THỊ THUY NGÀ
Phó Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0428-2023-038-1


TRẦN CẨM LINH
Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 5403-2026-038-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN BDO – CHI NHÁNH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 01 - DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/01/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		234.645.523.524	213.408.648.525
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	6.745.704.318	15.056.562.496
Tiền	111		6.745.704.318	15.056.562.496
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.2	161.100.000.000	136.100.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		161.100.000.000	136.100.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		27.929.585.921	10.808.750.998
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	26.611.371.527	10.053.059.164
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	279.768.768	821.481.570
Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	6.901.610.091	5.465.367.149
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(5.863.164.465)	(5.531.156.885)
Hàng tồn kho	140	4.7	38.696.952.600	51.265.840.056
Hàng tồn kho	141		38.696.952.600	51.265.840.056
Tài sản ngắn hạn khác	150		173.280.685	177.494.975
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.12	173.280.685	177.494.975
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		147.590.412.135	159.935.211.313
Tài sản cố định	220		90.046.693.913	102.379.022.174
Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	90.046.693.913	102.379.022.174
Nguyên giá	222		182.834.172.560	191.048.192.398
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(92.787.478.647)	(88.669.170.224)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		340.000.000	340.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(340.000.000)	(340.000.000)
Tài sản dở dang dài hạn	240		20.341.334.066	17.148.326.724
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.9	20.341.334.066	17.148.326.724
Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	29.911.175.704	33.111.175.704
Đầu tư dài hạn khác	253		26.811.175.704	26.811.175.704
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		3.100.000.000	6.300.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		7.291.208.452	7.296.686.711
Chi phí trả trước dài hạn	261	4.10	7.291.208.452	7.296.686.711
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		382.235.935.659	373.343.859.838

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 01 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/01/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		33.056.483.403	33.074.226.159
Nợ ngắn hạn	310		33.056.483.403	32.681.076.159
Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	2.685.767.018	2.928.045.075
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		128.897.198	109.241.898
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.12	561.652.421	1.846.199.084
Phải trả người lao động	314		6.090.383.781	8.826.689.170
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.13	4.139.873.583	256.648.000
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	4.14	268.367.500	209.100.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	4.15	2.577.412.044	2.037.039.763
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	4.16	16.604.129.858	16.468.113.169
Nợ dài hạn	330		-	393.150.000
Phải trả dài hạn khác	337	4.15	-	393.150.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	4.17	349.179.452.256	340.269.633.679
Vốn chủ sở hữu	410		349.179.452.256	340.269.633.679
Vốn cổ phần	411		192.500.000.000	192.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		192.500.000.000	192.500.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		105.832.657.290	105.832.657.290
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		50.846.794.966	41.936.976.389
- Các năm trước	421a		1.601.344.989	1.527.420.125
- Năm hiện hành	421b		49.245.449.977	40.409.556.264
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		382.235.935.659	373.343.859.838



NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
Tổng Giám đốc - Người được ủy quyền
TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2026

ĐINH TÂN THÔNG TIN
Kế toán trưởng

LÊ THỊ KIM PHƯƠNG
Người lập



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 02 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/01/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		165.986.994.225	143.177.885.523
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	10	5.1	165.986.994.225	143.177.885.523
Giá vốn hàng bán	11	5.2	123.427.756.398	104.111.037.144
Lợi nhuận gộp	20		42.559.237.827	39.066.848.379
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	17.269.268.368	17.170.004.418
Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	25	5.4	9.701.336.286	8.457.876.157
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	14.875.499.991	12.845.464.047
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		35.251.669.918	34.933.512.593
Thu nhập khác	31	5.6	22.924.986.129	12.345.355.607
Chi phí khác	32	5.7	971.036.910	958.234.380
Lợi nhuận khác	40		21.953.949.219	11.387.121.227
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		57.205.619.137	46.320.633.820
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.9	7.960.169.160	5.911.077.556
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		49.245.449.977	40.409.556.264
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	5.10	1.903	1.604 (*)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	5.10	1.903	1.604 (*)

(*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2024 (năm trước) được trình bày lại trên Báo cáo kết quả kinh doanh năm nay (thuyết minh 5.10)



NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
Tổng Giám đốc - Người được ủy quyền
TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2026

ĐINH TÂN THÔNG TIN
Kế toán trưởng

LÊ THỊ KIM PHƯƠNG
Người lập



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

(theo phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/01/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2025 VND	2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	57.205.619.137	46.320.633.820
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	8.703.926.267	9.859.232.157
Trích lập các khoản dự phòng	03	332.007.580	234.331.950
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(39.674.579.253)	(28.567.961.769)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	26.566.973.731	27.846.236.158
Thay đổi các khoản phải thu	09	(16.699.768.321)	(1.270.079.004)
Thay đổi hàng tồn kho	10	12.568.887.456	(10.374.784.823)
Thay đổi các khoản phải trả	11	1.422.430.974	(3.717.169.121)
Thay đổi chi phí trả trước	12	5.478.259	(3.442.221.336)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(9.540.069.329)	(5.024.075.328)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(9.399.614.711)	(7.889.500.944)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	4.924.318.059	(3.871.594.398)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(8.378.525.272)	(7.490.898.856)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	31.272.518.589	19.517.930.121
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(25.000.000.000)	(1.500.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	3.200.000.000	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	16.467.120.696	20.856.621.747
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	17.561.114.013	31.383.653.012
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(30.796.290.250)	(23.075.252.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(30.796.290.250)	(23.075.252.500)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50	(8.310.858.178)	4.436.806.114
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	60	15.056.562.496	10.619.756.382
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	6.745.704.318	15.056.562.496



NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
Tổng Giám đốc - Người được ủy quyền
TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2026


ĐINH TẤN THÔNG TIN
Kế toán trưởng


LÊ THỊ KIM PHƯƠNG
Người lập

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. THÔNG TIN CHUNG

Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được chuyển thể từ doanh nghiệp nhà nước – Công ty Cao su Thống Nhất - theo Quyết định số 22/2005/QĐ-TTg ngày 26 tháng 1 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới một số doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và theo Quyết định số 4993/QĐ.UBND ngày 23 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Ngày 26 tháng 6 năm 2006, Công ty Cao su Thống Nhất chính thức chuyển thành Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất và hoạt động theo chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 3500100424 (số cũ là 4903000263) ngày 26 tháng 6 năm 2006 và thay đổi lần thứ tư ngày 4 tháng 7 năm 2022 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, tên giao dịch quốc tế là Thong Nhat Rubber Joint Stock Company (TRC) và vốn điều lệ của công ty cổ phần là 192,5 tỷ VND.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là TNC.

Văn phòng chính của Công ty được đặt tại 256 đường 27/4, phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu).

Các đơn vị trực thuộc của Công ty:

- Nông trường cao su Hòa Bình 2;
- Nhà máy chế biến cao su Bàu Non;
- Đội cao su Phong Phú;
- Đội nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Thống Nhất.

Trong năm tài chính này, hoạt động chủ yếu của Công ty là trồng và khai thác cao su, chuối; chế biến và kinh doanh các loại cao su và nông sản.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, số lượng công nhân viên của Công ty là 271 người (vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 287 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND"), được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định kế toán hiện hành khác tại Việt Nam đòi hỏi Ban giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về tài sản, nợ và việc trình bày các khoản tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau :

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 20 năm
Máy móc thiết bị	5 - 12 năm
Phương tiện vận tải	5 - 8 năm
Dụng cụ quản lý	5 - 10 năm
Vườn cây lâu năm (được đề cập tại thuyết minh 3.7 dưới đây)	

3.6 Tài sản cố định vô hình

Phần mềm quản lý vườn cây được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và đã được khấu hao hết.

3.7 Vườn cây lâu năm

Vườn cây cao su đưa vào khai thác

Nguyên giá của vườn cây cao su khi đưa vào khai thác được xác định dựa trên diện tích và số cây khai thác nhân với suất đầu tư. Khi thanh lý vườn cây cao su, phần chênh lệch giữa giá trị thu hồi và giá trị còn lại của vườn cây cao su được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Khấu hao của vườn cây cao su được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời gian khai thác ước tính từ 15 đến 20 năm.

3.8 Xây dựng cơ bản dở dang (“XDCB”)

Vườn cây cao su và sầu riêng

Vườn cây cao su và sầu riêng trong giai đoạn đầu tư được ghi nhận như chi phí xây dựng cơ bản dở dang và không trích khấu hao cho đến khi được đưa vào khai thác.

Xây dựng cơ bản dở dang khác

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác là chi phí xây dựng các công trình chưa hoàn thành, mua sắm máy móc thiết bị chưa nghiệm thu và không trích khấu hao trong suốt giai đoạn đầu tư xây dựng dở dang.

3.9 Chi phí trả trước dài hạn

Các chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng, chi phí cải tạo nhà máy và cơ sở hạ tầng của nông trường cao su và chi phí liên quan đến dự án trồng chuối. Các chi phí này được phân bổ kết quả hoạt động kinh doanh trong khoảng thời gian trả trước hoặc khoảng thời gian của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này trong vòng 5 năm.

3.10 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản mà Ban giám đốc có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu ngân hàng. Các khoản đầu tư này được thể hiện theo nguyên giá trừ dự phòng giảm giá các khoản đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận góp vốn phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp lỗ đã được dự kiến khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận góp vốn đã tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho khoản lỗ đã được lập dự phòng trước đây.

3.11 Các khoản phải trả và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

3.12 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận là các chi phí phát sinh trong năm nhưng đến cuối năm chưa chi trả và việc ghi nhận chi phí phải trả phải được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

3.13 Thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại như thuê hoạt động khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian thuê hoạt động.

3.14 Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và lãi trái phiếu

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Doanh thu từ cổ tức được chia

Doanh thu từ cổ tức được chia được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

3.15 Quỹ tiền lương

Tiền lương được tính và ghi nhận vào chi phí trong năm tài chính này căn cứ theo Quyết định giao đơn giá tiền lương năm 2025 của Hội đồng Quản trị Công ty.

3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên như sau:

- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập nhằm phục vụ việc đầu tư mở rộng của Công ty;
- Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích lập để khen thưởng và nâng cao phúc lợi cho nhân viên, ban điều hành và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.17 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu là lãi trên cổ phiếu có tính đến tác động của công cụ trong tương lai có thể được chuyển đổi thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu, được tính bằng cách lấy lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm.

3.18 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ tài chính, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế. Riêng đối với các hoạt động trồng trọt, chế biến nông sản thực hiện tại Nông trường Hoà Bình 2, Nông trường Phong Phú thuộc địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn xã Bàu Lâm, xã Nghĩa Thành, thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là huyện Xuyên Mộc và huyện Châu Đức, thành phố Bà Rịa), Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thu nhập doanh nghiệp là 10% trên lợi nhuận chịu thuế.

3.19 Các bên có liên quan

Các bên được xem là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động, các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba.

Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan :

Công ty	Địa điểm	Mối quan hệ
Công ty TNHH Phân bón Hữu cơ Bách Tùng	Tỉnh Đồng Nai	Thành viên HĐQT của Công ty
Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ và Dịch vụ Sáng Tạo	TP Hồ Chí Minh	là Giám đốc của bên liên quan Thành viên HĐQT của Công ty là Giám đốc của bên liên quan

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	282.230.035	393.275.618
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - VND	6.463.474.283	14.663.286.878
	6.745.704.318	15.056.562.496

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 09-DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/01/2014 của Bộ Tài chính)

4.2 Đầu tư tài chính

(a) Đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
<i>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>		
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với lãi suất từ 4,1% - 5,4%/ năm	161.100.000.000	136.100.000.000
	161.100.000.000	136.100.000.000

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
<i>Đầu tư dài hạn khác</i>		
Góp vốn vào Công ty Baria Serece	26.811.175.704	26.811.175.704
<i>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>		
Trái phiếu Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam đáo hạn ngày 24/12/2027, lãi suất cho kỳ tính lãi đến 24/12/2026 là 6,18%/năm	500.000.000	500.000.000
Trái phiếu Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam đáo hạn ngày 30/12/2030, lãi suất cho kỳ tính lãi đến 30/12/2025 là 6,28%/năm. Tuy nhiên, Ngân hàng đã mua lại trái phiếu này trước hạn vào ngày 30/12/2025.	-	3.200.000.000
Trái phiếu Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam đáo hạn ngày 05/12/2031, lãi suất cho kỳ tính lãi đến 05/12/2026 là 6,68%/năm	1.100.000.000	1.100.000.000
Trái phiếu Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam đáo hạn ngày 14/08/2034, lãi suất cho kỳ tính lãi đến 14/08/2026 là 6,68%/năm	1.500.000.000	1.500.000.000
	29.911.175.704	33.111.175.704

Khoản vốn góp trong Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất nhập khẩu Nông lâm sản và Phân bón Baria Serece là 1.796.000 USD tương đương với 26.811.175.704 VND theo tỷ giá tại thời điểm góp vốn, chiếm tỷ lệ 12% vốn điều lệ của công ty này. Trong năm 2025, Công ty được chia và nhận được cổ tức từ khoản đầu tư này là 9.673.471.115 VND (2024: 9.210.563.146 VND).

4.3 Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Công ty TNHH Phát Hưng Tây Ninh	4.079.180.000	4.079.180.000
Công ty Cổ phần Cao Su Hòa Bình	18.858.280.817	-
Công ty Cổ Phần Cao Su Xuân Lộc	1.231.363.770	1.976.733.440
Trương Minh Trí	146.482.750	1.254.556.000
Trần Tuấn Thành	770.000.000	770.000.000
Các khách hàng khác	1.526.064.190	1.972.589.724
Cộng phải thu khách hàng	26.611.371.527	10.053.059.164
Dự phòng phải thu khó đòi (thuyết minh 4.6)	(5.545.344.465)	(5.213.336.885)
Giá trị thuần	21.066.027.062	4.839.722.279

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 09-DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/01/2014 của Bộ Tài chính)

4.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Bên thứ ba		
Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học Cây giống Việt Nam	-	364.434.630
Công ty Cổ phần Đầu Tư & Xây Dựng SHS	108.180.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Nông Nghiệp Xanh	79.453.768	181.566.548
Công ty TNHH TM - DV Cơ khí Nhôm kính Hương Việt	-	144.300.000
Khác	92.135.000	131.180.392
	279.768.768	821.481.570

4.5 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Lãi dự thu	5.085.155.343	4.283.007.671
Tạm ứng nhân viên	108.000.000	84.976.050
Ký quỹ thuê máy photo	5.000.000	5.000.000
Phải thu khác	1.703.454.748	1.092.383.428
Cộng phải thu khác	6.901.610.091	5.465.367.149
Dự phòng phải thu khó đòi (thuyết minh 4.6)	(317.820.000)	(317.820.000)
Giá trị thuần	6.583.790.091	5.147.547.149

4.6 Nợ quá hạn và Dự phòng phải thu khó đòi

	Số dư nợ quá hạn VND	31/12/2025 trong đó, lập dự phòng VND	Số dư nợ quá hạn VND	31/12/2024 trong đó, lập dự phòng VND
Phải thu khách hàng	7.286.402.285	5.545.344.465	6.008.668.835	5.213.336.885
Phải thu khác	317.820.000	317.820.000	317.820.000	317.820.000
	7.604.222.285	5.863.164.465	6.326.488.835	5.531.156.885

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, trong số dư nợ quá hạn bao gồm 4.397.000.000 VND là khoản phải thu từ Công ty TNHH Phát Hưng Tây Ninh phát sinh từ năm 2006 và 508.824.935 VND là khoản nợ khó đòi từ các khách hàng của Nhà máy chế biến thức ăn gia súc Hưng Long.

Tình hình tăng giảm dự phòng các khoản phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	5.531.156.885	5.296.824.935
Trích lập dự phòng trong năm	332.007.580	234.331.950
Số dư cuối năm	5.863.164.465	5.531.156.885

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản nợ phải thu khó đòi đã được xóa nợ trong vòng 10 năm trở lại đây là 703.770.794 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 09-DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/01/2014 của Bộ Tài chính)

4.7 Hàng tồn kho

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Nguyên vật liệu	5.052.897.837	7.099.859.159
Công cụ dụng cụ	2.280.331.561	1.854.328.554
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	14.097.506.900	21.267.482.673
Thành phẩm	17.266.216.302	21.044.169.670
Cộng giá gốc hàng tồn kho	38.696.952.600	51.265.840.056
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
	38.696.952.600	51.265.840.056

4.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	Vườn cây cao su VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Số dư 01/01/2025	65.723.707.311	16.977.241.580	7.019.961.954	416.583.621	100.910.697.932	191.048.192.398
Mua trong năm	1.053.541.950	313.000.000	-	-	-	1.366.541.950
Tăng từ XDCB	-	-	-	-	4.085.449.012	4.085.449.012
Thanh lý và xóa sổ	-	-	-	-	(13.666.010.800)	(13.666.010.800)
Số dư 31/12/2025	66.777.249.261	17.290.241.580	7.019.961.954	416.583.621	91.330.136.144	182.834.172.560
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư 01/01/2025	44.271.027.134	15.694.215.188	4.142.650.773	357.479.075	24.203.798.054	88.669.170.224
Khấu hao trong năm	3.159.145.688	426.687.440	527.754.299	17.864.545	4.785.659.547	8.917.111.519
Thanh lý và xóa sổ	-	-	-	-	(4.798.803.096)	(4.798.803.096)
Số dư 31/12/2025	47.430.172.822	16.120.902.628	4.670.405.072	375.343.620	24.190.654.505	92.787.478.647
Giá trị còn lại						
Ngày 01/01/2025	21.452.680.177	1.283.026.392	2.877.311.181	59.104.546	76.706.899.878	102.379.022.174
Ngày 31/12/2025	19.347.076.439	1.169.338.952	2.349.556.882	41.240.001	67.139.481.639	90.046.693.913

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 54.387.607.421 VND (31 tháng 12 năm 2024 là 51.151.234.214 VND).

Trong năm, Công ty đã thanh lý vườn cây cao su gãy đổ tại Nông trường Phong Phú và Hòa Bình 2 và chi tiết như sau :

Nông trường/Đội	Số lượng cây	Nguyên giá VND	Giá trị hao mòn lũy kế VND	Giá trị còn lại VND
- Phong Phú	40.647	5.198.600.036	(2.006.447.494)	3.192.152.542
- Hòa Bình 2	51.694	8.467.410.764	(2.792.355.602)	5.675.055.162
	92.341	13.666.010.800	(4.798.803.096)	8.867.207.704

4.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Vào ngày 01/01/2025 VND	Tăng trong năm VND	Kết chuyển TSCĐ VND	Vào ngày 31/12/2025 VND
Vườn cây cao su tại Nông trường Hòa Bình 2	10.468.042.027	4.492.791.000	(4.085.449.012)	10.875.384.015
Vườn cây cao su tại Nông trường Phong Phú	2.035.731.653	192.562.262	-	2.228.293.915
Vườn cây sâu riêng	4.561.220.555	2.593.103.092	-	7.154.323.647
Chi phí XDCB khác	83.332.489	-	-	83.332.489
	17.148.326.724	7.278.456.354	(4.085.449.012)	20.341.334.066

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 09-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/01/2014 của Bộ Tài chính)

4.10 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	108.318.543	181.732.700
Chi phí cải tạo nhà máy và cơ sở hạ tầng của nông trường cao su	311.580.788	590.893.866
Chi phí liên quan dự án trồng chuối	6.765.806.334	6.409.854.785
Chi phí khác	105.502.787	114.205.360
	7.291.208.452	7.296.686.711

Tình hình tăng giảm chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	7.296.686.711	3.854.465.375
Tăng trong năm	5.104.487.923	7.116.031.454
Phân bổ trong năm	(5.109.966.182)	(3.673.810.118)
Số dư cuối năm	7.291.208.452	7.296.686.711

4.11 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Công ty Cổ phần Cao su Hòa Bình	887.472.653	954.709.875
Công ty Cổ phần SXTM Trí Việt	606.496.275	-
Công ty TNHH MTV HTC Việt Nam	243.371.000	-
Công ty TNHH Phân bón Duy Thiên	84.000.000	912.160.000
Công ty TNHH TM Dầu khí Thành Đại Phát	-	370.600.000
Các nhà cung cấp khác	864.427.090	690.575.200
	2.685.767.018	2.928.045.075

4.12 Thuế

Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") được khấu trừ

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	-	-
Phát sinh trong năm:		
- Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ	3.145.227.166	3.283.152.429
- Thuế GTGT đầu vào đã khấu trừ	(1.437.799.413)	(1.030.636.864)
- Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ	(1.707.427.753)	(2.252.515.565)
Số dư cuối năm	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 09-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/01/2014 của Bộ Tài chính)

4.12 Thuế (tiếp theo)

Thuế và các khoản (phải thu)/phải nộp Nhà nước

	Vào ngày 01/01/2025 VND	Phải nộp trong năm VND	Đã nộp trong năm VND	Vào ngày 31/12/2025 VND
Thuế giá trị gia tăng	69.287.447	3.260.508.754	(2.997.694.205)	332.101.996
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.776.911.637	7.960.169.160	(9.540.069.329)	197.011.468
Thuế thu nhập cá nhân	(23.902.857)	978.134.759	(921.692.945)	32.538.957
Thuế tài nguyên	(2.439.040)	26.245.760	(43.338.560)	(19.531.840)
Tiền thuê đất	(151.153.078)	5.890.308.811	(5.892.904.578)	(153.748.845)
Lệ phí môn bài	-	8.000.000	(8.000.000)	-
Tổng cộng	1.668.704.109	18.123.367.244	(19.403.699.617)	388.371.736
Trong đó:				
Phải thu	(177.494.975)			(173.280.685)
Phải trả	1.846.199.084			561.652.421

4.13 Chi phí phải trả

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Chi phí lương thưởng	3.945.945.583	-
Chi phí ăn giữa ca	128.928.000	199.148.000
Chi phí dịch vụ chuyên nghiệp	65.000.000	57.500.000
	4.139.873.583	256.648.000

4.14 Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Doanh thu chưa thực hiện - trồng chuối xen canh	268.367.500	209.100.000
	268.367.500	209.100.000

4.15 Phải trả khác

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Ngắn hạn		
Cổ tức phải trả	1.303.620.218	1.299.910.468
Nhà thầu xây dựng ký quỹ bảo lãnh, bảo hành	762.118.640	300.463.250
Phải trả khác	511.673.186	436.666.045
	2.577.412.044	2.037.039.763
Dài hạn		
Ký quỹ hợp tác xen canh	-	393.150.000
	-	393.150.000

Trong khoản phải trả ngắn hạn khác bao gồm 247.426.902 VND là công nợ thâm canh cà phê nhận bàn giao từ Công ty Cà phê Đồng Nai vào ngày 27 tháng 4 năm 1994 phải trả cho Tổng công ty Cà phê Việt Nam.

4.16 Quỹ khen thưởng phúc lợi

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	16.468.113.169	14.783.424.913
Trích lập quỹ từ phân phối lợi nhuận	9.535.631.400	9.574.189.200
Sử dụng quỹ trong năm	(9.399.614.711)	(7.889.500.944)
Số dư cuối năm	16.604.129.858	16.468.113.169

4.17 Vốn chủ sở hữu

Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu và các quỹ

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Năm trước				
Số dư 01/01/2024	192.500.000.000	105.832.657.290	34.201.609.325	332.534.266.615
Lợi nhuận trong năm	-	-	40.409.556.264	40.409.556.264
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(9.574.189.200)	(9.574.189.200)
Chia cổ tức	-	-	(23.100.000.000)	(23.100.000.000)
Số dư 31/12/2024	192.500.000.000	105.832.657.290	41.936.976.389	340.269.633.679
Năm nay				
Số dư 01/01/2025	192.500.000.000	105.832.657.290	41.936.976.389	340.269.633.679
Lợi nhuận trong năm	-	-	49.245.449.977	49.245.449.977
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(9.535.631.400)	(9.535.631.400)
Chia cổ tức	-	-	(30.800.000.000)	(30.800.000.000)
Số dư 31/12/2025	192.500.000.000	105.832.657.290	50.846.794.966	349.179.452.256

Các quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ đầu tư phát triển và thù lao Hội đồng Quản trị và Ủy ban kiểm toán trong năm 2024 được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 vào ngày 24 tháng 6 năm 2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 09-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/01/2014 của Bộ Tài chính)

4.17 Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	2025 VND	2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	192.500.000.000	192.500.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	192.500.000.000	192.500.000.000
Chia cổ tức trong năm	30.800.000.000	23.100.000.000

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 vào ngày 24 tháng 6 năm 2025, cổ tức năm 2024 được chia theo tỷ lệ 16% (2023: 12%).

Cổ phiếu

- Cổ phiếu phổ thông

	31/12/2025	31/12/2024
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	19.250.000	19.250.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	19.250.000	19.250.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.250.000	19.250.000
Mệnh giá cổ phiếu	10.000 VND/CP	10.000 VND/CP

- Cổ phiếu ưu đãi : không có

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Doanh thu thuần

	2025 VND	2024 VND
Doanh thu		
Doanh thu bán mũ cao su	92.151.687.875	63.543.096.023
Doanh thu gia công mũ cao su	8.240.785.800	8.867.489.800
Doanh thu bán chuỗi	65.053.052.550	68.480.958.500
Doanh thu khác	541.468.000	2.286.341.200
	165.986.994.225	143.177.885.523
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	165.986.994.225	143.177.885.523

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 09-DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/01/2014 của Bộ Tài chính)

5.2 Giá vốn hàng bán

	2025 VND	2024 VND
Giá vốn bán mũ cao su	56.284.843.936	43.290.901.277
Giá vốn gia công mũ cao su	7.512.374.285	7.307.461.571
Giá vốn bán chuỗi	59.462.227.173	49.185.610.373
Chi phí cây chuỗi bệnh gãy đổ	-	3.350.271.468
Giá vốn khác	168.311.004	976.792.455
	123.427.756.398	104.111.037.144

Chi tiết giá vốn hàng bán theo yếu tố

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nguyên vật liệu	23.059.802.936	20.902.326.114
Chi phí nhân công	46.354.655.728	42.861.616.220
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.370.174.906	9.457.484.537
Chi phí dụng cụ sản xuất	16.990.974.583	13.467.891.696
Chi phí gia công	5.251.189.800	5.142.088.200
Chi phí thuê đất	4.532.295.825	11.651.540.319
Chi phí khác	7.920.733.479	7.874.205.559
Chênh lệch sản phẩm dở dang đầu năm và cuối năm	7.169.975.773	6.615.904.211
Chênh lệch thành phẩm đầu năm và cuối năm	3.777.953.368	(13.862.019.712)
	123.427.756.398	104.111.037.144

5.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	2025 VND	2024 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	7.595.797.253	7.959.441.272
Cổ tức được chia	9.673.471.115	9.210.563.146
	17.269.268.368	17.170.004.418

5.4 Chi phí bán hàng

	2025 VND	2024 VND
Chi phí bốc xếp	-	14.654.325
Chi phí đóng gói	9.701.336.286	8.443.221.832
	9.701.336.286	8.457.876.157

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 09-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/01/2014 của Bộ Tài chính)

5.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nhân viên quản lý	11.125.970.591	8.918.340.584
Vật liệu, dụng cụ thiết bị văn phòng	285.807.213	331.861.896
Chi phí khấu hao tài sản cố định	333.751.361	401.747.620
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Trợ cấp thôi việc	93.943.427	213.420.000
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	332.007.580	234.331.950
Chi phí khác	2.701.019.819	2.742.761.997
	14.875.499.991	12.845.464.047

5.6 Thu nhập khác

	2025 VND	2024 VND
<i>Thu thanh lý cây cao su</i>	31.462.766.207	19.775.100.764
<i>Giá trị còn lại của tài sản thanh lý</i>	(8.867.207.704)	(8.119.972.770)
<i>Chi phí thanh lý tài sản</i>	(190.247.618)	(257.170.643)
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	22.405.310.885	11.397.957.351
Tiền bồi thường do thu hồi đất	6.680.855	208.553.000
Thu khác	512.994.389	738.845.256
	22.924.986.129	12.345.355.607

5.7 Chi phí khác

	2025 VND	2024 VND
Chi phí thuê đất	649.713.505	907.496.880
Chi phí phạt thuế	15.625.837	-
Chi phí khác	305.697.568	50.737.500
	971.036.910	958.234.380

5.8 Chi phí sản xuất theo yếu tố

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nguyên vật liệu	23.059.802.936	20.902.326.114
Chi phí nhân công	57.480.626.319	51.779.956.804
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.703.926.267	9.859.232.157
Chi phí công cụ dụng cụ và vật liệu đóng gói	26.978.118.082	22.242.975.424
Chi phí khác	20.834.189.930	27.876.002.350
	137.056.663.534	132.660.492.849

5.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	2025 VND	2024 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	57.205.619.137	46.320.633.820
Các khoản điều chỉnh để xác định thu nhập chịu thuế:		
Chi phí không được khấu trừ	693.719.455	528.490.000
Chênh lệch tạm thời	(677.014.583)	-
Thu nhập không chịu thuế (cổ tức được nhận)	(9.673.471.115)	(9.210.563.146)
Lợi nhuận chịu thuế	47.548.852.894	37.638.560.674
Chi phí thuế TNDN được tính trên lợi nhuận chịu thuế năm hiện hành		
Trong đó:		
- theo thuế suất ưu đãi 10%	1.761.032.359	1.717.455.307
- theo thuế suất phổ thông 20%	5.987.705.861	4.193.622.249
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên lợi nhuận chịu thuế	7.748.738.220	5.911.077.556
Điều chỉnh thuế TNDN của năm trước	211.430.940	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	7.960.169.160	5.911.077.556

5.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2025	2024
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	49.245.449.977	40.409.556.264
Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi và thù lao Hội đồng Quản trị, Ủy ban kiểm toán (VND) (*)	(12.606.498.030)	(9.535.631.400)
Lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	36.638.951.947	30.873.924.864
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	19.250.000	19.250.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm/ được chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi	-	-
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng trong năm	19.250.000	19.250.000
Lãi trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.903	1.604
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.903	1.604

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính 2024 được điều chỉnh giảm cho khoản quỹ khen thưởng phúc lợi dự kiến được trích lập theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên vào ngày 7 tháng 6 năm 2024.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính 2025 được điều chỉnh giảm cho khoản quỹ khen thưởng phúc lợi được trích lập theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên vào ngày 14 tháng 6 năm 2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 09-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/01/2014 của Bộ Tài chính)

6. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh bao gồm: nông nghiệp và khác (chủ yếu là đầu tư)

Kết quả kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: triệu VND

	Nông nghiệp		Khác		Cộng	
	2025	2024	2025	2024	2025	2024
Doanh thu bán cho bên ngoài	165.446	140.892	541	2.286	165.987	143.178
Giá vốn	(123.259)	(103.134)	(168)	(977)	(123.428)	(104.111)
Doanh thu tài chính	-	-	17.269	17.170	17.269	17.170
Lợi nhuận khác	-	-	21.954	11.387	21.954	11.387
Kết quả bộ phận	42.186	37.758	39.596	29.866	81.782	67.624
Chi phí không phân bổ					(24.577)	(21.303)
Chi phí thuế TNDN					(7.960)	(5.911)
Lợi nhuận sau thuế					49.245	40.410
Chi phí mua sắm tài sản	8.379	9.139	-	-	8.379	9.139
Chi phí khấu hao	8.704	9.859	-	-	8.704	9.859

Tài sản và nợ phải trả theo bộ phận vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: triệu VND

	Nông nghiệp		Khác		Cộng	
	31/12/2025	31/12/2024	31/12/2025	31/12/2024	31/12/2025	31/12/2024
Tài sản bộ phận	186.140	199.850	196.096	173.494	382.236	373.344
Tài sản không phân bổ		-		-	-	-
Cộng tài sản	186.140	199.850	196.096	173.494	382.236	373.344
Nợ phải trả bộ phận	33.056	33.074	-	-	33.056	33.074
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-
Cộng nợ phải trả	33.056	33.074	-	-	33.056	33.074

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý không được lập và Công ty hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam.

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Thủ lao thực hiện cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban kiểm toán và Ban Giám đốc trong năm như sau :

Họ và tên	Chức danh	2025 VND	2024 VND
Ông Nguyễn Hữu Mạnh Nhưường	Chủ tịch HĐQT	1.036.800.000	583.200.000
Ông Nguyễn Nhật Thành Lâm	Tổng Giám đốc	1.190.983.000	680.400.000
Ông Trần Hữu Trí	kiêm Phó chủ tịch HĐQT Kế toán trưởng (miễn nhiệm từ ngày 18/07/2025)	-	302.200.000
Ông Đinh Tấn Thông Tin	Kế toán trưởng (bổ nhiệm từ ngày 18/07/2025)	377.818.219	-
Ông Nguyễn Thanh Bình	Trưởng ban UBKT kiêm Thành viên HĐQT	134.000.000	129.600.000
Ông Đỗ Khắc Tùng	Thành viên HĐQT	74.000.000	64.800.000
Ông Phan Văn Phú	Thành viên HĐQT	74.000.000	64.800.000
Ông Phạm Anh Sơn	Thành viên UBKT kiêm Thành viên HĐQT	74.000.000	64.800.000
Ông Lê Trung Đức	Thành viên HĐQT	74.000.000	64.800.000
		3.035.601.219	1.954.600.000

7.2 Tiền thuê đất

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty đang thuê đất của Nhà nước với tổng diện tích khoảng 2.188 ha, trong đó diện tích đất nông nghiệp khoảng 2.182 ha và đất phi nông nghiệp khoảng 6 ha; tiền thuê đất được trả hàng năm theo thông báo của cơ quan thuế địa phương. Tiền thuê đất phải trả trong năm 2025 được nêu tại thuyết minh 4.12.

7.3 Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.



NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
Tổng Giám đốc - Người được ủy quyền
TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2026

ĐINH TẤN THÔNG TIN
Kế toán trưởng

LÊ THỊ KIM PHƯƠNG
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN
CAO SU THỐNG NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số : 106.../TRC-TCKT

Bà Rịa, ngày 26 tháng 03 năm 2026

V/v giải trình chênh lệch giữa BCTC năm
2025 do công ty lập và Báo cáo Tài chính đã
được kiểm toán.

Kính gửi : - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Thực hiện Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính về việc hướng
dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Công ty Cổ phần Cao Su Thống Nhất xin giải trình Báo cáo Tài chính năm 2025 được Công ty lập thay
đổi so với Báo cáo Tài chính năm 2025 đã được kiểm toán như sau:

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

ĐVT : Đồng

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2025 Chưa kiểm toán	Năm 2025 Đã kiểm toán	Thay đổi
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	229.904.973.081	234.645.523.524	4.740.550.443
	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6.728.478.244	6.745.704.318	17.226.074
	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	156.100.000.000	161.100.000.000	5.000.000.000
	Phải thu ngắn hạn khác	136	6.921.610.092	6.901.610.091	(20.000.001)
	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(5.606.488.835)	(5.863.164.465)	(256.675.630)
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200	152.510.382.565	147.590.412.135	(4.919.970.430)
	Tài sản cố định hữu hình	221	89.966.664.343	90.046.693.913	80.029.570
	Giá trị hao mòn lũy kế	223	(92.867.508.217)	(92.787.478.647)	80.029.570
	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	8.100.000.000	3.100.000.000	(5.000.000.000)
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (A+B)		382.415.355.646	382.235.935.659	(179.419.987)
C	NỢ PHẢI TRẢ	300	32.832.351.002	33.056.483.403	224.132.401
	Nợ ngắn hạn	310	32.439.201.002	33.056.483.403	617.282.401
	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	219.372.588	128.897.198	(90.475.390)
	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	499.770.020	561.652.421	*61.882.401
	Phải trả người lao động	314	6.500.783.781	6.090.383.781	(410.400.000)
	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	193.928.000	4.139.873.583	3.945.945.583
	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	82.647.500	268.367.500	185.720.000
	Phải trả ngắn hạn khác	319	2.115.756.654	2.577.412.044	461.655.390
	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	3.535.545.583		(3.535.545.583)
	Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	16.605.629.858	16.604.129.858	(1.500.000)
	Nợ dài hạn	330	393.150.000		(393.150.000)
	Phải trả dài hạn khác	337	393.150.000		(393.150.000)
D	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	349.583.004.644	349.179.452.256	(403.552.388)
	LNST chưa phân phối kỳ này	421b	49.649.002.365	49.245.449.977	(403.552.388)
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN(C+D)		382.415.355.646	382.235.935.659	(179.419.987)

II. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

ĐVT : Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2025 (Chưa kiểm toán)	Năm 2025 (đã kiểm toán)	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
1	Doanh thu thuần	165.986.994.225	165.986.994.225		
2	Giá vốn hàng bán	123.488.989.794	123.427.756.398	(61.233.396)	
3	Lợi nhuận gộp	42.498.004.431	42.559.237.827	61.233.396	
4	Doanh thu hoạt động tài chính	17.269.268.368	17.269.268.368		

5	Chi phí bán hàng	9.701.336.286	9.701.336.286	
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	14.636.346.609	14.875.499.991	239.152.482
7	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	35.429.589.904	35.251.669.918	(177.919.986)
8	Thu nhập khác	23.116.282.574	22.924.986.129	(191.296.448)
9	Chi phí khác	998.583.355	971.036.910	(27.546.445)
10	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	57.547.289.123	57.205.619.137	(341.669.986)
11	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7.898.286.759	7.960.169.160	61.882.401
12	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	49.649.002.365	49.245.449.977	(403.552.388)

Nguyên nhân thay đổi :

I > BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

A. Tài sản ngắn hạn tăng: 4.740.550.443 ,đồng.

- Tiền và các khoản tương đương tiền (Mã số 110) tăng 17.226.074,đồng . Nguyên nhân là do ghi nhận thiếu giao dịch tiền mặt của các phiếu thu và phiếu chi trong tháng 08 năm 2025.
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Mã số 123) tăng 5.000.000.000,đồng . Nguyên nhân là do phân loại tương đương tiền từ khoản đầu tư nắm giữ ngày đáo hạn cho mục đích trình bày báo cáo tài chính.
- Phải thu ngắn hạn khác (Mã số 136) giảm 20.000.001,đồng . Nguyên nhân là do ghi nhận thiếu giao dịch tiền mặt, bút toán bảo hiểm công ty trong tháng 08/2025, số tiền : 20.000.000 đồng.
- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (Mã số 137) giảm 256.675.630,đồng . Nguyên nhân là do Điều chỉnh trích lập dự phòng phải thu của khách hàng.

B. Tài sản dài hạn giảm : 4.919.970.430 đồng

- Giá trị hao mòn lũy kế (Mã số 223) tăng 80.029.570,đồng . Nguyên nhân là do ghi nhận chi phí khấu hao trong kỳ đối với các tài sản đã thanh lý và đã trích khấu hao hết .
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Mã số 255) giảm 5.000.000.000,đồng . Nguyên nhân là do phân loại tương đương tiền từ khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn cho mục đích trình bày báo cáo tài chính.

C. Nợ phải trả tăng : 224.132.401 đồng

Trong đó :

* Nợ ngắn hạn tăng : 617.282.401,đồng

- Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Mã số 312) giảm 90.475.390,đồng. Nguyên nhân là do cản trở giữa doanh thu chưa thực hiện và phải thu khách hàng của Hộ kinh doanh mua bán cây Huy Hoàng số tiền : 21.970.000 đồng. Phân loại từ người mua trả tiền trước sang phải trả tiền tiền ký quỹ hợp đồng cung cấp giống cây trồng tái canh năm 2026 của cơ sở sản xuất cây giống cao su Bà Rịa số tiền : 68.505.390 đồng.
- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước (Mã số 313) tăng 61.882.401, đồng . Nguyên nhân là do điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp số tiền : 61.882.401 đồng.
- Phải trả người lao động (Mã số 314) giảm 410.400.000, đồng . Nguyên nhân là do phân loại quỹ lương dự phòng phải trả và khoản thù lao Hội đồng quản trị chưa được duyệt từ Đại hội đồng cổ đông sang chi phí phải trả số tiền : 410.400.000 đồng.
- Chi phí phải trả ngắn hạn (Mã số 315) tăng 3.945.945.583, đồng . Nguyên nhân là do phân loại quỹ lương dự phòng phải trả và khoản thù lao Hội đồng quản trị chưa được duyệt từ Đại hội đồng cổ đông sang chi phí phải trả số tiền : 3.945.945.583 đồng.
- Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn (Mã số 318) tăng 185.720.000, đồng . Nguyên nhân là do ghi nhận doanh thu chưa thực hiện đối với tiền hợp tác xen canh trồng chuối với Ông Trương Minh Trí số tiền tăng 198.645.000 đồng. Ông Chiu A Sy số tiền giảm là : 34.895.000 đồng, cản trở giữa doanh thu chưa thực hiện và phải thu khách hàng của Hộ kinh doanh mua bán cây Huy Hoàng số tiền tăng là : 21.970.000 đồng.

- Phải trả ngắn hạn khác (Mã số 319) tăng 461.655.390, đồng . Nguyên nhân là do phân loại khoản ký quỹ hợp đồng hợp tác xen canh với Ông Trương Minh Trí và Chiu A Sy từ dài hạn sang ngắn hạn vì thời gian còn lại của hợp đồng nhỏ hơn 12 tháng số tiền : 393.150.000 đồng, phân loại từ người mua trả tiền trước sang phải trả tiền ký quỹ hợp đồng cung cấp giống cây trồng tái canh năm 2026 của Cơ sở sản xuất cây giống cao su Bà Rịa số tiền : 68.505.390 đồng.

- Dự phòng phải trả ngắn hạn (Mã số 321) giảm 3.535.545.583, đồng . Nguyên nhân là do phân loại quỹ lương dự phòng phải trả và khoản thù lao Hội đồng quản trị chưa được duyệt từ Đại hội đồng cổ đông sang chi phí phải trả số tiền : 3.535.545.583 đồng.

- Quỹ khen thưởng phúc lợi (Mã số 322) giảm 1.500.000, đồng . Nguyên nhân là do ghi nhận thiếu giao dịch tiền mặt của các phiếu thu và phiếu chi trong tháng 08 năm 2025 số tiền 1.500.000 đồng.

* Nợ dài hạn giảm : 393.150.000, đồng

- Phải trả dài hạn khác (Mã số 337) giảm 393.150.000, đồng. Nguyên nhân là do phân loại khoản ký quỹ hợp đồng hợp tác xen canh với Ông Trương Minh Trí và Chiu A Sy từ dài hạn sang ngắn hạn vì thời gian còn lại của hợp đồng nhỏ hơn 12 tháng số tiền : 393.150.000 đồng.

D .Vốn chủ sở hữu giảm : 403.552.388, đồng

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Mã số 421b) giảm : 403.552.388, đồng. Nguyên nhân là do tính lại chi phí năm 2025.

II > . BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

- Doanh thu thuần : không thay đổi

- Giá vốn hàng bán giảm : 61.233.396 đồng. Nguyên nhân do điều chỉnh giảm ghi nhận chi phí khấu hao trong kỳ đối với các tài sản đã thanh lý và đã trích khấu hao hết số tiền : 61.233.396 đồng.

- Lợi nhuận gộp giảm 61.233.396 đồng. Nguyên nhân do điều chỉnh giảm ghi nhận chi phí khấu hao trong kỳ đối với các tài sản đã thanh lý và đã trích khấu hao hết số tiền : 61.233.396 đồng.

- Doanh thu hoạt động tài chính : không thay đổi

- Chi phí bán hàng : không thay đổi

- Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng : 239.152.482 đồng. Nguyên nhân do ghi nhận thiếu giao dịch tiền mặt của các phiếu thu và phiếu chi trong tháng 08/2025 số tiền : 1.273.926 đồng, trích lập dự phòng phải thu số tiền : 256.675.630 đồng, điều chỉnh giảm ghi nhận chi phí khấu hao trong kỳ đối với các tài sản đã thanh lý và đã trích khấu hao hết số tiền : 18.796.174 đồng.

- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh giảm : 177.919.986 đồng . Do giảm chi phí khấu hao trong kỳ, trích lập quỹ dự phòng phải thu.

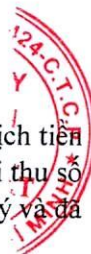
- Thu nhập khác giảm : 191.296.448, đồng. Nguyên nhân do ghi nhận doanh thu chưa thực hiện với hợp đồng hợp tác xen canh với Ông Trương Minh Trí và ông Chiu A Sy, cần trừ lãi và lỗ từ thanh lý TSCĐ .

- Chi phí khác giảm: 27.546.445, đồng. Nguyên nhân giảm là do cần trừ lãi và lỗ từ việc thanh lý TSCĐ.

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế giảm: 341.669.986 đồng . Nguyên nhân là do điều chỉnh chi phí khấu hao trong kỳ, trích lập quỹ dự phòng, ghi nhận doanh thu chưa thực hiện với hợp đồng hợp tác xen canh với Ông Trương Minh Trí và Ông Chiu A Sy.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tăng : 61.882.401 đồng . Do ghi nhận doanh thu chưa thực hiện tiền hợp tác xen canh với Ông Trương Minh Trí., Ông Chiu A Sy.

- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp giảm: 403.552.388 đồng là do các nguyên nhân giải trình như trên.



Trên đây là giải trình của Công ty Cổ phần Cao Su Thống Nhất, kính báo cáo với Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh được biết./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;l
- Lưu KTTV, VT(Trình 1b)



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Nhật Thành Lâm

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CAO SU THỐNG NHẤT**

Số: 1.0.0.../TRC-TCKT

V/v: Giải trình kết quả hoạt động kinh doanh
năm 2025 đã soát xét thay đổi với năm 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bà Rịa, ngày 26... tháng 03 năm 2026

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Thực hiện Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Công ty Cổ phần Cao Su Thống Nhất xin giải trình kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 đã được kiểm toán soát xét biến động tăng, giảm lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước như sau:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	206.181.248.722	172.693.245.548	33.488.003.174	19,4%
2	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	49.245.449.977	40.409.556.264	8.835.893.713	21,8%

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025 đạt **49.245.449.977 đồng** tăng so với năm 2024 là **8.835.893.713 đồng**, tương ứng với mức tăng là 21,8 %, Nguyên nhân là do trong năm 2025 giá bán mủ cao su tăng so với năm 2024 dẫn đến lợi nhuận từ việc hoạt động sản xuất kinh doanh mủ cao su tăng, thu nhập từ việc thanh lý cây cao su năm 2025 tăng so với năm 2024 dẫn đến lợi nhuận khác tăng với số tiền tăng tương ứng là: **13.447.688.207 đồng**.

Trên đây là giải trình của Công ty Cổ phần Cao Su Thống Nhất. Kính báo cáo với Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh được biết./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu KTTV. VT (Trình 1b)



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Nhật Thành Lâm